

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công trình: Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến)

Địa điểm: Xã Mỹ Lộc, tỉnh Tây Ninh

I- TỔNG QUÁT:

1- Tên công trình: Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến)

2- Địa điểm xây dựng:

Công trình được xây dựng trên địa bàn Xã Mỹ Lộc, tỉnh Tây Ninh.

3- Bản đồ khu vực công trình: (kèm theo trang sau)

4- Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án xã Mỹ Lộc

5- Những tổ chức, cá nhân chính tham gia lập Báo cáo KTKT:

- Cơ quan lập báo cáo: Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Châu.

- Nhân sự chính tham gia:

+ Chủ trì thiết kế:	KS. Trương Thành Nguyên
+ Chủ trì KS địa hình:	KS. Trương Thành Châu
+ Chủ trì lập dự toán:	KS. Trương Thành Nguyên
+ Kiểm tra:	KS. Nguyễn Thành Hiền

6- Thời gian Khảo sát, lập báo cáo KTKT:

- Thời gian khảo sát địa hình phục vụ công tác lập báo cáo: 2026

- Thời gian thu thập số liệu và lập báo cáo đến: 2026

7- Những căn cứ để lập báo cáo KTKT xây dựng công trình:

7-1 Những căn cứ:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây Dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Hợp đồng tư vấn giữa Ban quản lý dự án xã Mỹ Lộc và Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Châu “V/v Hợp đồng Tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT công trình Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến)”.

7-2 Các qui chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng sử dụng:

7-2-1- Các tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ
- QCVN 01:2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.
- QCVN 18:2021/BXD An toàn trong thi công xây dựng.
- QCVN 06:2022 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- TCN 4054-2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô;
- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- 22 TCN 211-06 Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCCS 38 : 2022/TCĐBVN Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 9436 : 2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 10380 : 2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 5575: 2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5889: 1995 Bản vẽ kết cấu kim loại.
- TCVN 10304: 2014 Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9394: 2012 Đóng và ép cọc: Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu
- TCVN 7570: 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.

7-2-2- Các tiêu chuẩn áp dụng trong thi công và nghiệm thu

- TCVN 4447-2022: Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8857:2011: Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- Thông tư số 27/TT-BGTVT ngày 28/07/2014 của Bộ GTVT:”Quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông”
- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường axit;
- TCVN 8863:2011: Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - thi công và nghiệm thu
- TCVN 9361- 2012: Thi công và nghiệm thu công tác nền móng.
- TCVN 170:1989: Kết cấu thép - gia công, lắp ráp và nghiệm thu - yêu cầu kỹ thuật
- + Tài liệu sử dụng:
- Tài liệu khảo sát địa hình, địa chất do Công ty TNHH Xây dựng Nguyên Châu lập.
- Tài liệu khí tượng- thủy văn khu vực do trạm khí tượng thủy văn Tây Ninh lập.
- Tài liệu thống kê mực nước lũ Ban Phòng chống Lụt bão tỉnh Tây Ninh lập.- Tài liệu khí tượng thủy văn, chua, phèn, mặn của Chi cục Thủy lợi Tây Ninh.
- + Các phần mềm tính toán sử dụng để nghiên cứu thiết kế:
- Phần mềm Microsoft Excel, Microsoft Word, Autocad, Geo-Slope.
- Phần mềm thiết kế kênh của trường Đại học Bách Khoa.

8- Tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

8-1 Mục tiêu đầu tư:

- Khai thác triệt để tiềm năng đất và lao động sẵn có để phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân;
- Hoàn thiện giao thông nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới nâng cao có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn phát triển nông thôn mới phù hợp với định hướng, quy hoạch nông thôn tại địa phương;
- Cải thiện môi trường sinh thái khu vực.

8-2- Nhiệm vụ công trình:

- Cứng hóa mặt đường, giải quyết tốt cho việc đi lại của nhân dân cũng như vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong khu vực.
- Nâng cấp kết cấu hạ tầng, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho người dân trong khu vực.

8-3 Quy mô công trình:

Công trình thuộc công trình giao thông cấp IV, nhóm C, được thiết kế theo TCVN 10380:2014 – Chọn loại đường cấp C.

Thông số cơ bản:

a- Đường Giao thông

- Chiều dài tuyến: $L = 2.384\text{m};$
- Chiều rộng nền đường: $B = (4,0 \div 7,0)\text{m};$
- Chiều rộng mặt đường láng nhựa: $b = (3,5 \div 5,0)\text{m};$
- Chiều rộng lề: $blề = (0,25 \div 1,00)\text{m} \times 2 \text{ bên};$
- Dốc ngang mặt đường: $i \text{ mặt} = 3\%;$
- Dốc ngang lề đường: $i \text{ mặt} = 4\%;$
- Cao trình tim đường: $Z_{\text{đường}} = +(1,50 \div 2,15)\text{m};$
- Mái taluy đường: $m = 1,5;$
- Lưu không: $a \geq 0,50\text{m};$
- Tải trọng: $P = 8T;$
- Vận tốc thiết kế: $V = 20\text{km/h};$
- Kết cấu mặt đường $B = 5.0\text{m}$, như sau:
 - + Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn $3.00 \text{ kg/m}^2;$
 - + Lớp nhựa lót tiêu chuẩn $1.00 \text{ kg/m}^2;$
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1, lớp trên dày 15cm , đầm chặt $K \geq 0,98;$
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1, lớp dưới dày 15cm , đầm chặt $K \geq 0,98;$
 - + Lớp móng sỏi đỏ dày 15cm , đầm chặt $K \geq 0,98;$
 - + Lớp cát lấp dày TB $0,50\text{m}$, đầm chặt $K \geq 0,90;$
 - + Gia cố lề bằng sỏi đỏ dày 15cm chiều rộng 1.00m , đầm chặt $K \geq 0,95;$
 - + Bên dưới đắp bằng đất tận dụng từ nền đào, đầm chặt $K \geq 0,90.$

b- Lắp đặt cống Ø100cm tại vị trí K1+437.2

c- Chiều sáng:

- Chiều dài dây: $2.340\text{m};$
- Trụ đèn BTLT $8,5\text{m}/\text{trụ};$ khoảng cách trung bình $40\text{m}/\text{trụ};$
- Cản đèn STK Ø60mm, cao 2m , vươn $1,5\text{m};$

- Đèn led 80W/220V;
- Lấy nguồn từ đường dây hạ thế hiện hữu dọc theo HL 20 và đường Mai Văn E.

8-4 Thời hạn sử dụng công trình: 10 năm

8-5 Tiêu chuẩn thiết kế:

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ
- QCVN 01:2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.
- QCVN 18:2021/BXD An toàn trong thi công xây dựng.
- QCVN 06:2022 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- TCN 4054-2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô;
- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- 22 TCN 211-06 Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCCS 38 : 2022/TCĐBVN Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 9436 : 2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 10380 : 2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 5575: 2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5889: 1995 Bản vẽ kết cấu kim loại.
- TCVN 10304: 2014 Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9394: 2012 Đóng và ép cọc: Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu
- TCVN 7570: 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.

8-6 Các hạng mục công trình: thi công đường giao thông – lắp đặt cống – lắp đặt hệ thông chiếu sáng

8-7 Vốn đầu tư xây dựng: 14.500.000.000 đ

II- ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ:

II- ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1- Vị trí công trình

Tuyến đường nằm trên địa bàn xã Mỹ Lộc, tỉnh Tây Ninh. Xuất phát từ ĐH.20 (K0+000), theo tuyến đường cũ có sẵn và kết thúc tại ranh xã Rạch Kiến (K2+384). Chiều dài tuyến là 2.384m.

2- Địa hình, địa mạo

- Khu vực công trình là một vùng nhỏ mang đặc điểm địa hình của vùng đồng bằng sông Cửu Long, có chênh lệch cao độ không lớn lắm:

- + Cao độ MĐTN cao nhất : + 0,95m.
- + Cao độ MĐTN thấp nhất : + 0,45m.
- + Cao độ MĐTN bình quân : + 0,70m.

- Dọc theo hai bên tuyến kênh nhà cửa phân bố rải rác; chuối, dừa ăn trái, cây tạp mọc sát mé kênh, phía trong bờ kênh cây trồng chủ yếu là cây lúa và hoa màu.

3- Tình hình địa chất, thổ nhưỡng

a- Địa chất:

Theo tài liệu địa chất của các công trình lân cận, địa tầng khu vực phân bố như sau:

+ Từ mặt đất tự nhiên đến độ sâu 7,30 m là tầng đất sét trầm tích với màu xám, pha đất bột và đất hữu cơ, độ ẩm cao, trạng thái chảy.

+ Từ độ sâu 7,30 m đến độ sâu 15 m là tầng đất trầm tích cũ, đất sét màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng đến cứng, kết cấu chặt vừa đến chặt

b- Thổ nhưỡng:

- Theo tài liệu điều tra của Sở Nông nghiệp và Môi Trường, đất đai trong khu vực gồm các loại đất chính:

- Đất phù sa, có tầng sinh phèn sâu, nhiễm mặn.
- Đất phù sa thấp chưa phát triển.
- Đất phèn đang hoạt động nhiễm mặn.
- Các loại đất khác.

4- Khí tượng thủy văn, nguồn nước

4-1- Các đặc trưng về mưa, mực nước, nhiệt độ, bốc hơi, gió

a- Mưa :

- Theo tài liệu của trạm Tân An và vùng lân cận khu vực, các đặc trưng về mưa tính toán như sau:

- + Lượng mưa trung bình nhiều năm: 1541mm
- + Lượng mưa năm lớn nhất: 2231 mm (1964)
- + Lượng mưa năm nhỏ nhất: 764 mm (1971)

- Khu vực nằm trong vùng mưa nhỏ của Đồng bằng sông Cửu Long, hằng năm phân làm 2 mùa rõ rệt. Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau. Các tháng còn lại mưa cũng phân bố không đều, tập trung mưa lớn trong các tháng 9, 10. Và trong tháng 6, 7, 8 thường có hạn hán ảnh hưởng đến năng suất và thời vụ.

b- Nhiệt độ:

- Tài liệu tại trạm Mỹ Tho:

- + Nhiệt độ bình quân năm: 27.9⁰C
- + Nhiệt độ bình quân tháng cao nhất: 33,4⁰C (tháng 6)
- + Nhiệt độ bình quân tháng thấp nhất: 20.8⁰C (tháng 1)

- Nhìn chung nhiệt độ toàn vùng chênh lệch trong năm không nhiều, thích hợp với tình hình sản xuất nông nghiệp.

c- Bốc hơi:

- Theo tài liệu của trạm thành phố Hồ Chí Minh:

- + Lượng bốc hơi trung bình nhiều năm: 1350 mm
- + Lượng bốc hơi trung bình ngày: 3,7 mm
- + Lượng bốc hơi ngày cao nhất: 5,7 mm
- + Lượng bốc hơi ngày thấp nhất: 2,3 mm

d- Độ ẩm:

- Theo tài liệu tính toán của trạm TP.HCM:

- + Độ ẩm bình quân tháng: 79 %
- + Độ ẩm nhỏ nhất: 71% (tháng 3)
- + Độ ẩm lớn nhất: 86 % (tháng 9)

- Nhìn chung độ ẩm chênh lệch không nhiều:

e- Gió:

- Khu vực nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng gió mùa:

- + Gió Tây Nam kéo dài từ tháng 2 đến tháng 5.
- + Gió Đông Nam kéo dài từ tháng 6 đến tháng 9.
- Tốc độ gió bình quân: 2.8 m/s. Đánh giá chung về tình hình khí tượng của toàn bộ khu vực tốt, thích hợp cho cây trồng. Nhưng việc giữ nước tưới cho vụ Đông Xuân và ngăn mặn để kịp thời vụ cho Hè Thu còn chưa làm được nên chưa phát huy hết thế mạnh của khu vực.

4-2- Các đặc trưng về thủy văn

- Khu vực nằm ven sông Cần Giuộc và Kênh Xáng Mồng Gà, đây là khu vực bị nhiễm mặn thường xuyên từ tháng 12 đến tháng 6. Trong những tháng còn lại nước có thể dùng cho sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên nếu trong những tháng 7 & 11 lượng mưa ít, nước biển lấn sâu vào sông Cần Giuộc, độ mặn trong nước vẫn có thể gây ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt.

- Khu vực chịu ảnh hưởng Kênh Xáng Mồng Gà, Sông Cần Giuộc. Do tại khu vực không có trạm đo, lấy tài liệu các trạm lân cận: Cầu Nổi, Bến Lức như sau:

Mức nước bình quân Hmax, Hmin mùa kiệt

Trạm	Tháng ĐLượng	1		2		3		4		5		6	
		HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin
Cầu Nổi	Tr.85	109	-107	106	-99	104	-96	98	-100	91	-106	82	-118
	Sau 85	109	-96	104	-99	105	-91	96	-93	91	-94	85	-119
Bến Lức	Tr.85	97	-63	94	-64	85	-74	79	-78	79	-93	73	-114
	Sau 85	98	-72	92	-78	88	-79	82	-89	75	-111	83	-127

Mức nước bình quân Hmax, Hmin mùa lũ:

Trạm	Tháng ĐLượng	7		8		9		10		11		12	
		HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin	HMax	Hmin
Cầu Nổi	Tr.85	82	-148	86	-137	96	-123	109	-100	117	-90	100	-98
	Sau 85	84	-107	87	-85	101	-79	137	-70	118	-72	119	-97
Bến Lức	Tr.85	72	-119	74	-117	85	-74	107	-41	109	-37	103	-51
	Sau 85	71	-129	76	-117	89	-91	106	-53	104	-48	102	-61

4-3- Tình hình mặn

- Khu vực tính toán thuộc huyện Cần Giuộc là một huyện ven biển bị ảnh hưởng mặn do thủy triều của hạ lưu sông Vàm Cỏ Đông và Soài Rạp.

- Tài liệu đo độ mặn tại hai trạm Bến Lức và Cầu Nổi như sau:

Độ mặn bình quân năm g/l

Tháng Trạm	I	II	III	IV	V	VI	VII
Bến lức		0.79	2.80	3.40	2.80	0.80	0.24
Cầu nổi	6.80	14.50	29.00	29.50	27.40	16.20	1.81

- Tại khu vực từ tháng 2 đến tháng 6 nước sông không dùng để tưới lúa được. Sau đó còn phải mất một thời gian rửa phèn do tăng sinh phèn bị oxy hóa trong mùa khô. Như vậy vấn đề trữ ngọt cuối mùa mưa để cung cấp nước tưới cho vụ Đông Xuân là nhu cầu cần thiết để tăng năng suất cây trồng.

4-4- Tình hình chua phèn

- Như đã trình bày, đất trong khu vực bị nhiễm phèn và mặn khá mạnh. Điều này xuất phát từ tình hình phèn trong nước sông Vàm Cỏ Đông. Theo điều tra chất lượng nước mùa mưa năm 1992 và 1993 độ pH trên sông Vàm Cỏ (từ ngã ba sông Vàm Cỏ) biến đổi từ 3.62 ÷ 5.16. Do đó việc xây dựng các công trình chủ động tưới, tiêu, lấy nước và xả nước tùy thuộc chất lượng nước trên sông là cần thiết.

III- HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THỦY LỢI:

1- Hiện trạng nông nghiệp và thủy lợi:

a- Hiện trạng thủy lợi:

- Khu vực hiện có các nhánh kênh nhỏ đã có từ lâu chưa được nạo vét nên bồi lắng rất cạn ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thoát nước trong khu vực còn hạn chế.

b- Hiện trạng nông nghiệp:

Qua điều tra khu vực của tuyến Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến):

- Canh tác lúa từ 2÷3 vụ lúa/năm. Năng suất bình quân khoảng 4÷5T/ha/vụ. Sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. Nông dân bắt đầu gieo sạ khi có mưa (khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6);

2- Phương hướng phát triển nông nghiệp, thủy lợi, giao thông:

a- Phương hướng phát triển về thủy lợi:

- Để đạt được mục đích tăng năng suất sản xuất nông nghiệp của khu vực trong khi nguồn nước ngọt lại thiếu, phương hướng phát triển thủy lợi trong khu vực hiện nay là tăng cường ngăn mặn, giữ ngọt, ém phèn. Vì vậy thủy lợi cần có những biện pháp sau :

+ Đào kênh dẫn nước vào tưới cho khu vực canh tác và trữ nước phục vụ sản xuất tháng mùa khô để khi mưa xuống là có thể canh tác được ngay.

+ Về lâu dài để phát huy hiệu quả Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến) cần phải đầu tư hoàn chỉnh hệ thống các tuyến đường nội đồng trong khu vực.

b- Phương hướng phát triển về nông nghiệp:

- Căn cứ vào yêu cầu cấp thiết của địa phương, định hướng phát triển sản xuất toàn bộ diện tích lên 2 vụ lúa/năm, năng suất bình quân 4,5 ÷ 5 tấn/ha/vụ. Phát triển chăn nuôi gia cầm, sản xuất hoa màu phụ... Phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch và áp dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ để tăng hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

IV- SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Công trình thuộc địa bàn xã Mỹ Lộc, tỉnh Tây Ninh. Khu vực là vùng thượng của huyện và là vùng ven thành phố Hồ Chí Minh, chủ yếu là phát triển nông nghiệp, nhất là nơi cung cấp rau xanh cho thành phố.

Tuyến đường kết nối từ HL 20 đến ĐT 826, hiện trạng đường đất trải đá rộng trung bình 3m, nhỏ hẹp đã xuống cấp, hai bên có chỗ cao chỗ thấp, không bằng phẳng, mùa mưa lầy lội gây khó khăn cho việc đi lại, sản xuất của người dân trong khu vực.

Để khắc phục các hạn chế cơ bản nêu trên, đồng thời tạo điều kiện giao thông thuận lợi cho nhân dân trong vùng và các vùng lân cận, góp phần ổn định vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, khai thác tiềm năng kinh tế hiện có của khu vực, cần thiết phải xây dựng công trình Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến). Đây là nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhằm nâng cao thu nhập cho người nông dân.

V- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÔNG TRÌNH:

1- Mục tiêu đầu tư:

- Khai thác triệt để tiềm năng đất và lao động sẵn có để phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân;

- Hoàn thiện giao thông nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới nâng cao có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn phát triển nông thôn mới phù hợp với định hướng, quy hoạch nông thôn tại địa phương;

- Cải thiện môi trường sinh thái khu vực.

2- Nhiệm vụ công trình:

- Cứng hóa mặt đường, giải quyết tốt cho việc đi lại của nhân dân cũng như vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong khu vực.

- Nâng cấp kết cấu hạ tầng, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho người dân trong khu vực.

VI- QUY MÔ CÔNG TRÌNH:

a- Cơ sở hình thành phương án:

- Sử dụng và khai thác hợp lý tài nguyên hiện có.

- Lợi dụng tối đa các công trình hiện hữu, tránh thiệt hại tài sản nhân dân và giảm nhỏ chi phí đầu tư.

- Phù hợp với quy hoạch về trước mắt và lâu dài.

- Tính khả thi của phương án về mặt đầu tư.

b- Phương án vị trí tuyến:

Do tuyến đường có sẵn và vị trí hiện trạng có cao độ thiết kế hợp lý nên phương án vị trí tuyến không có phương án khác.

c- Quy mô công trình: (xem mục 8.3).

VII- TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ:

1- Các qui chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

1-2- Các tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế

- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ

- QCVN 01:2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

- QCVN 18:2021/BXD An toàn trong thi công xây dựng.

- QCVN 06:2022 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- TCN 4054-2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô;

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- 22 TCN 211-06 Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCCS 38 : 2022/TCĐBVN Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 9436 : 2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 10380 : 2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5575: 2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5889: 1995 Bản vẽ kết cấu kim loại.

- TCVN 10304: 2014 Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9394: 2012 Đóng và ép cọc: Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu

- TCVN 7570: 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.

1-2- Các tiêu chuẩn áp dụng trong thi công và nghiệm thu

- TCVN 4447-2022: Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8857:2011: Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- Thông tư số 27/TT-BGTVT ngày 28/07/2014 của Bộ GTVT: "Quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông"
- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường axit;
- TCVN 8863:2011: Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - thi công và nghiệm thu
- TCVN 9361- 2012: Thi công và nghiệm thu công tác nền móng.
- TCVN 170:1989: Kết cấu thép - gia công, lắp ráp và nghiệm thu - yêu cầu kỹ thuật

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ

- Tổng chiều dài: 2.384m.
- Điểm đầu: K0+000 giáp ĐH.20.
- Điểm cuối: K2+384 giáp ranh xã Rạch Kiến.
- Để đảm bảo nền ổn định trong quá trình sử dụng và tận dụng lại nền đường cũ. Bình đồ thiết kế bám theo lề hiện trạng phía bờ kênh nên Tim tuyến thiết kế dịch vào trong so với tim đường hiện trạng.
- Do thiết kế theo đường hiện hữu. Tại các đường cong nằm có thiết kế bán kính đường cong nằm phù hợp với cấp đường và hiện trạng của tuyến, có thiết kế bố trí siêu cao (chi tiết xem trên bản vẽ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang thiết kế tuyến).
- Trên tuyến có 03 vị trí nút giao chính và các ngã rẽ vào đường nhánh. Tại các nút giao và ngã rẽ này có bố trí vượt nổi mặt đường bán kính rẽ $R = (1,0 \div 5,0)m$ phù hợp với địa hình và cấp đường, có bố trí các biển báo, cọc tiêu, gờ giảm tốc. (chi tiết xem bản vẽ).

2.2. Trắc dọc

- Do là tuyến đường kết nối giữa HL 20 và ĐT 826, nên khi thiết kế trắc dọc, cao độ thiết kế bám theo cao độ hiện trạng của 2 tuyến đường.
- Chọn cao độ thiết kế: $+(1,50 \div 2,15)m$; độ dốc dọc lớn nhất 0,80%.

2.3. Trắc ngang

- * Đoạn K0+000.0 ÷ K2+329.7
- Mặt đường rộng 5,00m. Kết cấu như sau:
 - + Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3.00 kg/m²;
 - + Lớp nhựa lót tiêu chuẩn 1.00 kg/m²;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 lớp trên dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 lớp dưới dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$;
 - + Lớp móng sỏi đỏ dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$;
 - + Lớp cát lấp dày 0,50m, đầm chặt $K \geq 0,90$;
 - + Lớp vải địa kỹ thuật ART 12 kN/m².
- Nền đường rộng 7,00m, lề đường tận dụng đất đào nền đường cũ, đắp rộng 1,00m x 2 bên
 - + Gia cố lề bằng sỏi đỏ dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,95$.
 - + Bên dưới đắp bằng đất tận dụng từ nền đào, đầm chặt $K \geq 0,90$;
- Nền đường đắp mở rộng ra ruộng, ao...tính vét hữu cơ dày 20cm.
- * Đoạn K2+329.7 ÷ KF

- Mặt đường rộng 3,50m. Kết cấu như sau:
 - + Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3.00 kg/m²;
 - + Lớp nhựa lót tiêu chuẩn 1.00 kg/m²;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 lớp trên dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 lớp dưới dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$;
 - + Lớp móng sỏi đỏ dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$;
 - + Lớp cát lấp dày 0,50m, đầm chặt $K \geq 0,90$;
 - + Lớp vải địa kỹ thuật ART 12 kN/m².
- Nền đường rộng 4,0m, lề đường tận dụng đất đào nền đường cũ, đắp rộng ra theo hiện trạng (0,25m x 2 bên);
 - + Gia cố lề bằng sỏi đỏ dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,95$.
 - + Bên dưới đắp bằng đất tận dụng từ nền đào, đầm chặt $K \geq 0,90$;

(kèm mặt cắt đại diện)

VIII- BIÊN PHÁP VÀ TIẾN ĐỘ THI CÔNG:

1- Biên pháp thi công:

- Phát hoang tạo mặt bằng thi công, vét hữu cơ dày 0,2m bằng máy;
- Đào khuôn đường bằng máy, đất đào tận dụng để đắp lề, taluy $K \geq 0,90$;
- Đắp khuôn đường bằng cát dày 50cm $K \geq 0,90$;
- Đắp CP sỏi đỏ khuôn đường dày 15cm $K \geq 0,98$;
- Trải CPĐD loại 1 lớp móng dưới dày 15cm $K \geq 0,98$;
- Trải CPĐD loại 1 lớp móng trên dày 15cm $K \geq 0,98$;
- Tưới nhựa dính bám mặt đường, tiêu chuẩn 1kg/m²;
- Láng nhựa 2 lớp mặt đường dày 2,5cm, tiêu chuẩn 3kg/m²;
- Gia cố lề bằng CP sỏi đỏ dày 15cm $K \geq 0,95$;
- Đóng cừ gia cố các vị trí xung yếu có nguy cơ sạt trượt, mất ổn định (cừ tràm L= 4,5m);
- Lắp đặt cống vị trí K1+437.2;
- Lắp đặt biển báo, cọc tiêu, gờ giảm tốc, hệ thống chiếu sáng, hoàn thiện công trình.

2- Tiến độ thi công:

Căn cứ vào khối lượng, nguồn vốn đầu tư, khả năng thi công. Thời gian thi công 06 tháng.

3- Công tác giải phóng mặt bằng:

- Dự kiến thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm:
 - Nhà nước đầu tư kinh phí xây dựng.
 - Người dân hỗ trợ hiến đất và tài sản trên đất trong phạm vi ảnh hưởng xây dựng công trình.
 - Chính quyền địa phương vận động, tạo sự đồng thuận cao đối với các hộ dân trong vùng ảnh hưởng, tranh thủ tiến hành thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, bàn giao mặt bằng để đáp ứng tiến độ công trình.

4- Bảo vệ môi trường sinh thái

4-1- Tác động môi trường trong thời gian xây dựng

Gây ra tiếng ồn, bụi ảnh hưởng tới đời sống của người dân trong vùng.

4-2- Tác động môi trường sau khi thực hiện dự án

Sau khi xây dựng sẽ có một số tác động đến môi trường như sau:

- Về mặt tích cực: cải thiện điều kiện hạ tầng cơ sở (hệ thống đường sá, cầu, nguồn cấp nước sinh hoạt...) làm thay đổi bộ mặt nông thôn, cải thiện điều kiện sức khỏe, nâng cao cuộc sống văn hoá tinh thần cho nhân dân trong vùng.

- Về mặt tiêu cực: mất một số diện tích đất đai canh tác được sử dụng để xây dựng công trình.

4-3- Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong thời gian thi công

- Biện pháp kỹ thuật: cần phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành về thi công các công trình nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao về mặt công trình và ít gây tổn hại về môi trường sinh thái nhất.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn và độ rung:

+ Thực hiện các biện pháp kỹ thuật. Đồng thời các hoạt động này chỉ thực hiện vào ban ngày, không hoạt động vào giờ nghỉ ngơi của dân địa phương (giảm tiếng ồn cho máy thi công gây ra).

+ Sử dụng động cơ và phương tiện cơ giới đã được kiểm định về khí thải, tiếng ồn trên công trường, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, kiểm tra bảo dưỡng động cơ thiết bị đúng định kỳ.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước:

+ Cấm thải các chất thải rắn, chất thải độc và xăng dầu cặn máy thi công, hạn chế làm tăng độ đục trong quá trình thi công.

+ Chất thải cần phải được thu gom và xử lý, tránh việc xả các loại chất thải trực tiếp vào nguồn nước.

+ Cần có sự giám sát thi công và giám sát môi trường cho từng hạng mục công trình.

- Biện pháp giảm tác động kinh tế – xã hội: những tác động về xã hội nảy sinh ngoài ý muốn trong quá trình thi công như: mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương nhất là những người dân thường xuyên đi lại bằng phương tiện giao thông qua khu vực xây dựng công trình... vì vậy cần phải làm tốt công tác dân vận, tuyên truyền cho nhân dân được biết được lợi ích của công trình.

4-4- Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong vận hành

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước:

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế lượng đất cát, chất thải các loại từ sản xuất và sinh hoạt, có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước.

+ Nạo vét và nâng cấp hệ thống kênh rạch trong khu vực .

+ Tại các khu nuôi trồng thủy sản áp dụng các mô hình nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, quảng canh theo hình thức tuần hoàn ít thay nước, có ao lắng, ao xử lý nước cấp và ao xử lý nước thải, bùn thải, ... hạn chế việc cấp và thoát trực tiếp từ sông rạch vào khu nuôi và từ các khu nuôi ra sông rạch gây ô nhiễm nguồn nước nuôi và nước sông rạch trong vùng.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất:

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế tối đa xói mòn và sạt lở đất.

+ Hạn chế tối đa các chất ô nhiễm, chất thải ở các khu vực có hoạt động của công trình và vùng lân cận có liên quan.

- Biện pháp giảm tác động kinh tế – xã hội:

+ Tăng cường công tác giáo dục nhận thức cho cộng đồng.

+ Tăng cường công tác đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, bảo vệ, chống ô nhiễm nguồn nước.

IX- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Cấp quyết định đầu tư: UBND xã Mỹ Lộc
- Chủ đầu tư công trình: Ban quản lý dự án xã Mỹ Lộc
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã
- Thời gian thực hiện: năm 2026

X- KHỐI LƯỢNG VÀ KINH PHÍ:

1- Tổng khối lượng: (bảng dự toán kèm theo)

2- Kinh phí	14.500.000.000
--------------------	-----------------------

XI- HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ:

Về Nông nghiệp: Đối với nền nông nghiệp trong khu vực sẽ ổn định trồng lúa.. năng suất cây trồng được nâng cao, hiệu quả đầu tư về kinh tế tương đối cao.

Về phát triển các ngành nghề khác: Giao thông thuận tiện, chi phí lưu thông giảm thúc đẩy các ngành nghề khác như thương mại, dịch vụ, công nghiệp có điều kiện phát triển nhanh.

Về lợi ích xã hội: Khu vực được xây dựng hoàn thành sẽ tạo một bước chuyển biến mới về kết cấu cơ sở hạ tầng nông thôn ở địa phương góp phần xây dựng cuộc sống văn minh lành mạnh, góp phần mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân trong vùng nói riêng và cho toàn xã hội nói chung. Mặc dù hiệu quả kinh tế vừa phải, nhưng đã góp phần cải thiện giao thông bộ nối từ xã đến trung tâm vùng xây dựng; kết cấu hạ tầng nông thôn được nâng cao tạo điều kiện việc chỉnh trang nông thôn; tạo thêm việc làm cho nhân dân trong vùng hưởng lợi, đời sống nhân dân được cải thiện.

Về lợi ích môi trường: Khu vực công trình sau khi được xây dựng hoàn chỉnh sẽ tạo vẻ đẹp cảnh quan, môi trường sinh thái ngày càng được cải tạo tốt hơn.

XII- KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU:

1- Căn cứ:

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Hồ sơ thiết kế, dự toán được UBND xã Mỹ Lộc phê duyệt.

2- Nội dung kế hoạch đấu thầu xây lắp:

a) Phân chia gói thầu:

- Công trình gồm 03 hạng mục công trình thi công trong vòng 6 tháng, kinh phí, khối lượng hạng mục nhỏ đề nghị phân 1 gói thầu xây lắp.

b) Giá trị xây lắp gói thầu:

c) Hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu: Theo quy định hiện hành

d) Loại hợp đồng: Trọn gói.

XIII- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1- Kết luận:

- Đi đôi với việc phát triển sản xuất nông nghiệp sẽ tạo thêm công ăn việc làm ổn định lâu dài cho lao động địa phương, tạo nhân tố tích cực xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống nhân dân trong vùng hiện gặp nhiều khó khăn.

- Việc đầu tư công trình trên mang lại lợi ích về mặt vật chất lẫn tinh thần cho nhân

dân trong khu vực, tạo điều kiện phát triển văn hóa, xã hội, cải tạo môi trường, tạo mỹ quan và kết cấu hạ tầng cho các bước phát triển nông thôn tiếp theo như bố trí dân cư tập trung, kết cấu hạ tầng được cải thiện.

- Để giảm kinh phí và công trình có tính khả thi, trong chi phí chỉ hỗ trợ đền bù hoa màu vật kiến trúc trên đất để xây dựng công trình. Để thực hiện được vấn đề này đòi hỏi phải có sự phối hợp tốt giữa địa phương - chủ đầu tư - đơn vị thi công vận động thuyết phục nhân dân đóng góp nhằm giảm chi phí đầu tư, hạn chế các phát sinh có thể xảy ra và không ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thi công.

- Đầu tư xây dựng công trình về mặt kỹ thuật không phức tạp, thi công đơn giản, kinh phí không lớn, hiệu quả kinh tế cao như đã phân tích hiệu quả nêu trên

2- Kiến nghị:

Công ty TNHH Xây dựng Nguyên Châu đề nghị Ban quản lý dự án, Phòng Kinh tế, UBND xã Mỹ Lộc thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường kênh Đại Hội đoạn 1 (ĐH.20 - ranh xã Rạch Kiến) để triển khai thực hiện sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng./.

CTY TNHH XD NGUYỄN CHÂU
Giám đốc

Tây Ninh, ngàytháng.....năm 2026
Người viết

Trương Thành Châu

Nguyễn Thị Ngọc Vy